

Số: 429 /KH-BVTP

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 08 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Đào tạo thực hành lâm sàng khám bệnh, chữa bệnh

#### Tại Bệnh viện đa khoa Tâm Phúc

(Ban hành kèm theo Bản công bố số: 430/BVTP ngày 15 tháng 08 năm 2025  
của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Tâm Phúc về việc Công bố cơ sở  
khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

- Căn cứ số Luật Khám bệnh, chữa bệnh 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.
- Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Bệnh viện đa khoa Tâm Phúc xây dựng Kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe như sau:

### I. MỤC TIÊU:

#### 1. Mục tiêu chung:

Học viên sau quá trình thực hành đủ khả năng thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuốc một cách chủ động, an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

#### 2. Mục tiêu cụ thể:

Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

### II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG:

#### 1. Phạm vi triển khai:

Các khoa Lâm sàng, Cận lâm sàng tại Bệnh viện đa khoa Tâm Phúc.

#### 2. Thời gian: Cả năm

#### 3. Đối tượng:

Học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe chưa trải qua thời gian thực hành có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề theo đúng đối tượng hướng dẫn thực hành đã được Bệnh viện công bố.

### **III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH:**

#### **1. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh chữa bệnh:**

a) *Nội dung:* (mỗi nội dung 2-4 giờ tín chỉ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế tổ chức, quản lý bệnh viện.

b) *Hình thức:* Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng.

#### **2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng:**

##### **2.1. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa.**

a) *Vị trí, thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 03 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 09 tháng (trong đó thực hành tại Khoa nội tổng hợp: 02 tháng, Khoa Ngoại tổng hợp: 02 tháng, Khoa Nhi: 02 tháng, Khoa Sản: 01 tháng, phòng khám TMH: 0,5 tháng, phòng khám RHM: 0,5 tháng, phòng khám Mắt: 0,5 tháng, phòng khám Da liễu: 0,5 tháng)

b) *Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

##### **2.2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa nội khoa.**

a) *Vị trí, thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 03 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Nội tổng hợp: 09 tháng.

b) *Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội;
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và Mục II của Phụ lục IX, Thông tư 32/2023/TT-BYT BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

##### **2.3. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa ngoại khoa.**

a) *Vị trí, thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 03 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Ngoại tổng hợp: 09 tháng.

*b) Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại;
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và Mục XIX của Phụ lục IX, Thông tư 32/2023/TT-BYT BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.4. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa.**

*a) Vị trí, thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 03 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa sản: 09 tháng.

*b) Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ;
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và Mục XII của Phụ lục IX, Thông tư 32/2023/TT-BYT BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.5. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa nhi khoa.**

*a) Vị trí, thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 03 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Nhi: 09 tháng.

*b) Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi;
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và Mục III của Phụ lục IX, Thông tư 32/2023/TT-BYT BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**2.6. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho y sỹ đa khoa.**

*a) Vị trí, thời gian thực hành:*

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 03 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng (trong đó thực hành tại Khoa nội tổng hợp: 1,5 tháng, Khoa Ngoại tổng hợp: 01 tháng, Khoa Nhi: 01 tháng, Khoa Sản: 0,5 tháng, phòng khám TMH: 0,5 tháng, phòng khám RHM: 0,5 tháng, phòng khám Mắt: 0,5 tháng, phòng khám Da liễu: 0,5 tháng)

*b) Nội dung thực hành:*

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;
- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục X, Thông tư 32/2023/TT-BYT BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế (bao gồm các kỹ thuật sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ).

## **2.7. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho điều dưỡng đa khoa.**

### **a) Vị trí, thời gian thực hành:**

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 01 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng, Khoa Ngoại tổng hợp: 02 tháng; Khoa Nhi: 01 tháng.

### **b) Nội dung thực hành:**

Danh mục kỹ thuật trong Mục I, II, III của Phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

## **2.8. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Xét nghiệm y học.**

### **a) Vị trí, thời gian thực hành:**

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 01 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cận lâm sàng: 05 tháng (Huyết học: 02 tháng, Sinh hóa: 02 tháng, Vi sinh: 01 tháng).

### **b) Nội dung thực hành:**

Danh mục kỹ thuật trong Mục II của Phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

## **2.9. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hình ảnh y học.**

### **a) Vị trí, thời gian thực hành:**

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 01 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cận lâm sàng: 05 tháng (Bộ phận chẩn đoán hình ảnh: 05 tháng).

### **b) Nội dung thực hành:**

Danh mục kỹ thuật trong Mục I của Phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

## **2.10. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hộ sinh.**

### **a) Vị trí, thời gian thực hành:**

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Cấp cứu: 01 tháng;
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Phụ sản: 05 tháng.

### **b) Nội dung thực hành:**

Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục XIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Người chịu trách nhiệm:**

Giám đốc Bệnh viện có trách nhiệm:

- Theo dõi và chỉ đạo toàn bộ quá trình đào tạo cũng như kết quả đào tạo tại Bệnh viện;
- Phê duyệt Kế hoạch đào tạo và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch;
- Quyết định phân công cá nhân; các khoa, phòng hướng dẫn thực hành và theo dõi quá trình thực hành;
- Xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định.

## **2. Phòng Tổ chức – Kế hoạch:**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành trình lãnh đạo phê duyệt. Phối hợp với lãnh đạo các khoa có liên quan xây dựng nội dung, phương thức tổ chức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế cho các khóa hướng dẫn thực hành;
- Tiếp nhận học viên, hoàn tất hồ sơ thực hành theo quy định; lập danh sách học viên đăng ký thực hành và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện. Đăng ký người thực hành về Bộ Y tế, Sở Y tế và đăng tải trên Website của Bệnh viện;
- Điều phối, theo dõi hoạt động đào tạo thực hành;
- Thực hiện thủ tục xác nhận quá trình thực hành theo mẫu 07 Phụ lục I của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

## **3. Các khoa, phòng:**

- Tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo khi học viên kết thúc thời gian thực hành tại khoa;
- Tạo điều kiện cho học viên được thực hành đầy đủ các nội dung đã được lãnh đạo phê duyệt;

## **4. Nhiệm vụ của học viên:**

- Chấp hành tốt những quy định, nội quy của Bệnh viện; giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân;
- Tham gia thực hành đủ thời gian theo quy định; thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của người được phân công hướng dẫn thực hành;
- Tích cực đưa ý kiến phản hồi để hoàn thiện kỹ năng;
- Thực hiện đầy đủ quy định về tài chính đã thỏa thuận.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.  
Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.



**Bs Nguyễn Đình Thạch**

Số: 430/BVTP

Phan Thiết, ngày 15 tháng 08 năm 2025

### **BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi:

- Lãnh đạo Cục Quản lý Khám bệnh, chữa bệnh Bộ Y tế
- Lãnh đạo Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện đa khoa Tâm Phúc

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 87/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế ngày 24 tháng 04 năm 2025.

Địa chỉ: 82A Ngô Sĩ Liên, phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bs. CKI. Nguyễn Đình Thạch

Điện thoại liên hệ: 0919011711

Email: phongtckh@benhvientamphuc.com.vn

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa;
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa nội khoa;
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa ngoại khoa;
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa;
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa nhi khoa;
- Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa;
- Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa;
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học;
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học;
- Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành như sau:

(có danh sách kèm theo Phụ lục)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

| STT | Đối tượng thực hành                                   | Số lượng tiếp nhận |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------|
| 01  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa                   | 04                 |
| 02  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa nội khoa     | 02                 |
| 03  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa ngoại khoa   | 02                 |
| 04  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa | 01                 |
| 05  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa nhi khoa     | 03                 |
| 06  | Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa                    | 04                 |
| 07  | Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa   | 06                 |
| 08  | Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học     | 03                 |
| 09  | Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học       | 02                 |
| 10  | Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh                 | 02                 |

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

| STT | Đối tượng thực hành                                   | Chi phí thực hành                                 |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 01  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa                   | 1.500.000đ/tháng/1HV X 12 tháng = 18.000.000đ/1HV |
| 02  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa nội khoa     | 1.500.000đ/tháng/1HV X 12 tháng = 18.000.000đ/1HV |
| 03  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa ngoại khoa   | 1.500.000đ/tháng/1HV X 12 tháng = 18.000.000đ/1HV |
| 04  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa sản phụ khoa | 1.500.000đ/tháng/1HV X 12 tháng = 18.000.000đ/1HV |
| 05  | Bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa nhi khoa     | 1.500.000đ/tháng/1HV X 12 tháng = 18.000.000đ/1HV |

|    |                                                        |                                                      |
|----|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 06 | Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa                     | 1.500.000đ/tháng/1HV X 09<br>tháng = 13.500.000đ/1HV |
| 07 | Điều dưỡng với phạm vi hành nghề<br>Điều dưỡng đa khoa | 1.500.000đ/tháng/1HV X 06<br>tháng = 9.000.000đ/1HV  |
| 08 | Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét<br>nghiệm y học   | 1.500.000đ/tháng/1HV X 06<br>tháng = 9.000.000đ/1HV  |
| 09 | Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình<br>ảnh y học     | 1.500.000đ/tháng/1HV X 06<br>tháng = 9.000.000đ/1HV  |
| 10 | Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ<br>sinh               | 1.500.000đ/tháng/1HV X 06<br>tháng = 9.000.000đ/1HV  |

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị lãnh đạo Bộ Y tế, lãnh đạo Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ**

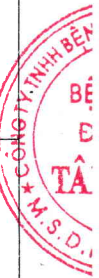


*Nguyễn Đình Chạch*

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 08 năm 2025

**PHỤ LỤC**  
**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**  
(Ban hành kèm theo Bảng công bố số: 430/BVTP ngày 15/08/2025.... của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Tâm Phúc về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

| Stt       | Họ và tên                                    | Văn bằng chuyên môn | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                         | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------|---------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nội</b>   |                     |                        |                                                                                                      |         |
| 1         | Trần Thị Tố Nga                              | Bác sĩ CKI          | 000481/BTH - CCHN      | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp                                                        |         |
| 2         | Thái Tuấn Nhân                               | Bác sĩ              | 000588/BTH - CCHN      | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Cấp cứu; Nội tim mạch; thực hiện kỹ thuật siêu âm tim |         |
| 3         | Phạm Thanh Tân                               | Bác sĩ              | 5350/BTH - CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa                                                                        |         |
| 4         | Võ Thành Duy                                 | Bác sĩ              | 5618/BTh - CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội                                                                 |         |
| <b>II</b> | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Ngoại</b> |                     |                        |                                                                                                      |         |
| 1         | Nguyễn Đình Thạch                            | Bác sĩ CKI          | 000674/BTH - CCHN      | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại                                                               |         |
| 2         | Mai Minh                                     | Bác sĩ CKI          | 000054/BTH - CCHN      | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Ung thư; Cấp cứu                                             |         |
| 3         | Nguyễn Ngọc Khang                            | Bác sĩ CKI          | 003374/BTH - CCHN      | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; thực hiện kỹ thuật nội soi dạ dày - tá tràng                 |         |



|            |                                                         |            |                    |                                                                                                      |  |
|------------|---------------------------------------------------------|------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>III</b> | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Sản</b>              |            |                    |                                                                                                      |  |
| 1          | Vũ Thị Hà                                               | Bác sĩ CKI | 001752/TB - CCHN   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản                                                                 |  |
| <b>IV</b>  | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nhi</b>              |            |                    |                                                                                                      |  |
| 1          | Nguyễn Truyền Thống                                     | Bác sĩ     | 0002042/TNI - CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Chuyên khoa Nhi                                                       |  |
| 2          | Lê Thị Thu Hà                                           | Bác sĩ CKI | 000389/BTH - CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Cấp cứu                                                        |  |
| 3          | Lê Thị Dung                                             | Bác sĩ     | 001418/BTH - CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Chuyên khoa Nhi                                       |  |
| 4          | Thỏ Thị Thái Thừa                                       | Bác sĩ     | 4835/BTH - CCHN    | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi                                                                 |  |
| <b>V</b>   | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Cấp cứu</b>          |            |                    |                                                                                                      |  |
| 1          | Mai Minh                                                | Bác sĩ CKI | 000054/BTH - CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Ung thư; Cấp cứu                                             |  |
| 2          | Thái Tuấn Nhân                                          | Bác sĩ     | 000588/BTH - CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Cấp cứu; Nội tim mạch; thực hiện kỹ thuật siêu âm tim |  |
| 3          | Lê Thị Thu Hà                                           | Bác sĩ CKI | 000389/BTH - CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi; Cấp cứu                                                        |  |
| <b>VI</b>  | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Da liễu</b>          |            |                    |                                                                                                      |  |
| 1          | Lục Minh Hùng                                           | Bác sĩ     | 000652/BTH - CCHN  | Chuyên khoa Nội tổng hợp; Da liễu                                                                    |  |
| <b>VII</b> | <b>Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt</b> |            |                    |                                                                                                      |  |
| 1          | Nguyễn Thị Quỳnh Trang                                  | Bác sĩ CKI | 049209/HCM - CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt                                                        |  |

|                                                              |                     |                            |                   |                                                                                                                                                                                                                   |  |
|--------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>VIII Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Tai – Mũi – Họng</b> |                     |                            |                   |                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 1                                                            | Huỳnh Thị Thúy Liễu | Bác sĩ                     | 000408/BTH - CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; tai Mũi Họng; Cấp cứu; Chuyên khoa Nhi                                                                                                                             |  |
| <b>IX Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Mắt</b>                |                     |                            |                   |                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 1                                                            | Võ Thị Kim Liên     | Bác sĩ                     | 000092/BTH - CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt                                                                                                                                                                              |  |
| <b>X Hướng dẫn thực hành Hình ảnh y học</b>                  |                     |                            |                   |                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 1                                                            | Vũ Thị The          | Bác sĩ CKI                 | 001121/BTH - CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Tai Mũi Họng; Răng Hàm Mặt; Chẩn đoán hình ảnh                                                                                                                     |  |
| 2                                                            | Ngô Hữu Hiền        | CN kỹ thuật hình ảnh y học | 5852/BTH - CCHN   | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về hình ảnh y học                                                                                                                                                                   |  |
| <b>XI Hướng dẫn thực hành Xét nghiệm y học</b>               |                     |                            |                   |                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 1                                                            | Nguyễn Thị Hương    | CN Xét nghiệm              | 4914/BTH - CCHN   | Chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                                                                                            |  |
| 2                                                            | Lê Ngọc Thùy Trang  | CN Xét nghiệm              | 5627/BTH - CCHN   | Chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                                                                                            |  |
| 3                                                            | Hồ Thị Minh Thư     | CN Xét nghiệm              | 5349/BTH - CCHN   | Chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                                                                                            |  |
| <b>XII Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng</b>                    |                     |                            |                   |                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 1                                                            | Đỗ Thị Nhân         | CNĐH Điều dưỡng            | 5805/BTH - CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y |  |

VIỆN ĐA K

NH VIỆN  
A KHOA  
PHÚC

3400433

|   |                            |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                               |
|---|----------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Nguyễn Ngọc Thảo<br>Nguyễn | CNĐH<br>Điều<br>dưỡng | 5806/BTH -<br>CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt<br>động chuyên môn theo<br>quy định tại thông tư số<br>26/2015/TTLT-BYT-<br>BNV ngày 07/10/2015<br>của Bộ y tế, Bộ Nội vụ<br>Quy định mã số, tiêu<br>chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng, hộ<br>sinh, kỹ thuật y |
| 3 | Hồ Thị Hồng<br>Xuyến       | CNCD<br>Điều<br>dưỡng | 002418/BTH<br>- CCHN | Thực hiện theo quy định<br>tại Quyết định số<br>41/2005/QĐ-BNV ngày<br>22/04/2005 của Bộ trưởng<br>Bộ Nội vụ về việc ban<br>hành tiêu chuẩn nghiệp vụ<br>các ngạch viên chức y tế<br>điều dưỡng                                               |
| 4 | Nguyễn Thị Diệu            | CNCD<br>Điều<br>dưỡng | 4622/BTH -<br>CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt<br>động chuyên môn theo<br>quy định tại thông tư số<br>26/2015/TTLT-BYT-<br>BNV ngày 07/10/2015<br>của Bộ y tế, Bộ Nội vụ<br>Quy định mã số, tiêu<br>chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng, hộ<br>sinh, kỹ thuật y |
| 5 | Hồ Đình Kiên               | CNCD<br>Điều<br>dưỡng | 4850/BTH -<br>CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt<br>động chuyên môn theo<br>quy định tại thông tư số<br>26/2015/TTLT-BYT-<br>BNV ngày 07/10/2015<br>của Bộ y tế, Bộ Nội vụ<br>Quy định mã số, tiêu<br>chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng, hộ<br>sinh, kỹ thuật y |
| 6 | Phạm Thị Quyên             | CNCD<br>Điều<br>dưỡng | 5884/BTH -<br>CCHN   | Thực hiện phạm vi hoạt<br>động chuyên môn theo<br>quy định tại thông tư số<br>26/2015/TTLT-BYT-<br>BNV ngày 07/10/2015<br>của Bộ y tế, Bộ Nội vụ<br>Quy định mã số, tiêu<br>chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng, hộ<br>sinh, kỹ thuật y |

|    |                          |                       |                    |                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|----|--------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 7  | Nguyễn Thị Hằng          | CNCD<br>Điều<br>dưỡng | 4641/BTH –<br>CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt<br>động chuyên môn theo<br>quy định tại thông tư số<br>26/2015/TTLT-BYT-<br>BNV ngày 07/10/2015<br>của Bộ y tế, Bộ Nội vụ<br>Quy định mã số, tiêu<br>chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng, hộ<br>sinh, kỹ thuật y |  |
| 8  | Nguyễn Thanh Mai         | CNCD<br>Điều<br>dưỡng | 4660/BTH –<br>CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt<br>động chuyên môn theo<br>quy định tại thông tư số<br>26/2015/TTLT-BYT-<br>BNV ngày 07/10/2015<br>của Bộ y tế, Bộ Nội vụ<br>Quy định mã số, tiêu<br>chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng, hộ<br>sinh, kỹ thuật y |  |
| 9  | Nguyễn Thị Ngọc<br>Quyên | CNCD<br>Điều<br>dưỡng | 5009/BTH –<br>CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt<br>động chuyên môn theo<br>quy định tại thông tư số<br>26/2015/TTLT-BYT-<br>BNV ngày 07/10/2015<br>của Bộ y tế, Bộ Nội vụ<br>Quy định mã số, tiêu<br>chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng, hộ<br>sinh, kỹ thuật y |  |
| 10 | Nguyễn Thị Bích<br>Thắm  | CNĐH<br>Điều<br>dưỡng | 5814/BTH –<br>CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt<br>động chuyên môn theo<br>quy định tại thông tư số<br>26/2015/TTLT-BYT-<br>BNV ngày 07/10/2015<br>của Bộ y tế, Bộ Nội vụ<br>Quy định mã số, tiêu<br>chuẩn chức danh nghề<br>nghiệp điều dưỡng, hộ<br>sinh, kỹ thuật y |  |